

# NGHIÊN CỨU ĐA DẠNG SINH HỌC VÙNG HÒN CHÔNG - HÀ TIÊN

Huỳnh Thu Hòa<sup>1</sup>, Bùi Tuấn Anh, Võ Văn Bé, Phạm Thị Nga, Ngô Thanh Phong,  
Nguyễn Thị Don và Phan Kim Định

## ABSTRACT

*Hon Chong - Ha Tien zone, Kien Giang province with a lot of landscapes such as plains, hills, mountains, coasts and islands is favorite site for studying biodiversity. This study focuses on sampling, identification and description of vegetal and animal species. 84 genus of 6 algal phyla, 619 species of Angiospermatophyta and 143 animal species of 3 phyla Coelenterata, Mollusca and Arthropoda were identified and described. The results are necessary for teaching and researching biodiversity.*

**Keywords:** *Biodiversity, vegetal, animal, classification, description*

**Title:** *Contribution to study of biodiversity in Hon Chong - Ha Tien zone*

## TÓM TẮT

Vùng Hòn Chông - Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang có các môi trường đồng bằng, đồi núi, bờ biển và hải đảo. Sự đa dạng về môi trường và địa hình tạo điều kiện cho đa dạng sinh học. Nghiên cứu này điều tra, phân loại và mô tả các loài thực vật và động vật thường gặp trong vùng. Đã thu mẫu và định danh được 84 giống tảo thuộc 6 ngành tảo, 619 loài thực vật Hạt kín và 143 loài động vật thuộc ngành Ruột khoang, Thân mềm và Chân khớp. Các kết quả này có giá trị cho giảng dạy và nghiên cứu về đa dạng sinh học.

**Từ khóa:** *đa dạng sinh học, thực vật, động vật, phân loại, mô tả*

## 1 GIỚI THIỆU

Vùng Hòn Chông - Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang có đủ các địa hình như đồng bằng, đồi núi, bờ biển và hải đảo. Sự đa dạng về địa hình tạo điều kiện cho đa dạng về môi trường và sinh vật. Tuy nhiên, các hoạt động của con người có nguy cơ phá hoại đa dạng sinh học của vùng. Bài viết này cung cấp các thông tin về các môi trường rừng nhiệt đới trên núi đá vôi và sa thạch, bờ biển, đảo và rừng ngập mặn. Về sinh vật, mô tả và phân loại các loài thường gặp của các nhóm thực vật có hoa, tảo và các nhóm động vật như sò ốc và tôm cua.

Vùng Hòn Chông - Hà Tiên là vùng đồng bằng ven biển phía cực nam của Việt Nam. Tọa độ của vùng trong khoảng 10°07' và 10°25' vĩ Bắc; 104°25' và 104°45' kinh Đông. Giới hạn phía bắc của Hà Tiên nằm sát biên giới với Campuchia. Giới hạn phía nam của Hòn Chông là mũi Đá Bàn. Về phía Đông, vùng Hòn Chông - Hà Tiên chạy song song cặp bờ biển và có chiều rộng khoảng 10 km. Bờ phía Tây tiếp giáp với vịnh Thái Lan.

Hòn Chông - Hà Tiên bao gồm vùng đồng bằng phù sa ven biển, rải rác là các đồi núi đá vôi, sa thạch và hoa cương. Ngoài ra còn có các đảo nhỏ cách bờ không xa. Đây là vùng có nhiều đồi núi đá vôi của nước ta. Các núi đá vôi này trải dài giữa

<sup>1</sup> Khoa Khoa học Tự nhiên, Trường Đại học Cần Thơ

một bên là dãy núi Hòn Chông, bên kia là dãy từ xã Bãi Ốt tới núi Tô Châu, xen lẫn với các đồi núi sa thạch (sandstone) và hoa cương (granite) (Phùng Trung Ngân *et al.*, 1969).

Vùng Hòn Chông - Hà Tiên tuy với các thế mạnh về kinh tế và du lịch nhưng lại đang chịu nhiều áp lực của các hoạt động này lên môi trường. Việc khai thác đá vôi để cung cấp cho các nhà máy xi măng và làm vôi làm cho diện tích các đồi núi đá vôi giảm nhanh chóng. Ngoài ra người ta còn khai thác đồi núi sa thạch và hoa cương để làm đường giao thông và xây dựng. Sự phát triển đô thị ồ ạt và du lịch kém tổ chức diễn ra rất mạnh đã làm thay đổi nhanh chóng môi trường trong vùng theo chiều hướng xấu đi về mặt sinh thái học.

Đề tài này do đó nhằm khảo sát và thống kê đặc điểm phân bố giống loài sinh vật tại Hòn Chông - Hà Tiên để đánh giá sự đa dạng sinh học phục vụ cho nghiên cứu, bảo tồn các nguồn gen bản địa quý hiếm và phục vụ cho các ứng dụng và phát triển bền vững.

## 2 PHƯƠNG TIỆN VÀ PHƯƠNG PHÁP

### 2.1 Phương tiện

**Dụng cụ** nghiên cứu môi trường (nhiệt kế, pH kế, máy chụp hình, máy quay phim, ống dòm), dụng cụ nghiên cứu thực vật có hoa (dao, kéo cắt cây, kẹp, bịch ni long, giấy báo, giấy dán thảo tập, kính lúp), dụng cụ nghiên cứu tôm cua, sò ốc, cá (chai đựng mẫu, hoá chất định hình và bảo quản).

**Tài liệu** định danh thực vật và động vật.

### 2.2 Phương pháp

Quan sát, thu mẫu, chụp hình theo lát cắt hoặc đường mòn trong rừng núi và các địa điểm thu mẫu khác.

Xử lý, phân tích, bảo quản và định danh mẫu sinh vật tại phòng thí nghiệm theo danh pháp quốc tế.

### 2.3 Địa điểm và thời gian thu mẫu

Mẫu được điều tra và thu thập 3 đợt: tháng 2/2005, tháng 5/2005 và tháng 11/2005 tại vùng Hòn Chông – Hà Tiên theo phân bố môi trường: Nước ngọt (hồ nước ngọt xã Bình An, đầm Đông Hồ), nước biển (Chùa Hang, bãi Dương, hòn Rễ lớn), núi sa thạch (núi Bình An, núi Bình San, núi Bình Trị), núi đá vôi (núi Trầu chùa Hang, vùng Hang Sáu, núi Đá Dựng) và rừng sát (đường đi Hang Tiên).

## 3 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

### 3.1 Thực vật bậc thấp: Các loài tảo (rong)

Kết quả điều tra được 6 ngành: Tảo silic (Bacillariophyta) có 23 giống, tảo lục (Chlorophyta) 30 giống, tảo vàng ánh (Chrysophyta) 2 giống, tảo nâu (Phaeophyta) 8 giống, tảo giáp (Pyrrhophyta) 3 giống và tảo đỏ (Rhodophyta) 18 giống. Tổng cộng có 84 giống tảo đã được phát hiện và định danh.



### 3.2 Thực vật bậc cao

Kết quả điều tra được bốn ngành: Ngành Rêu (Bryophyta), ngành Dương xỉ (Polypodiophyta), ngành Thực vật Hạt trần (Gymnospermatophyta) và ngành Thực vật Hạt kín (Angiospermatophyta).

#### 3.2.1 Ngành Rêu

Có giống phổ biến là Rêu tường (*Funaria*) mọc ở nơi ẩm ướt trên đá và *Mnium* trên đất ẩm.

#### 3.2.2 Ngành Dương xỉ

có các giống Ráng đuôi phụng (*Drynaria*), Ráng ỏ rồng (*Platyserium*), Ráng ỏ phụng (*Asplenium*), các loài này mọc ở các nơi ẩm ướt khuất nắng. Ráng yếm dực (*Tectaria*) phát triển rải rác trong khu vực.

#### 3.2.3 Thực vật hạt trần

chủ yếu là các loài của giống *Cycas* trong tự nhiên cùng với vài loài được trồng như cây cảnh. Thường gặp Vương tùng (*Araucularia*), Trắc bá diệp (*Thuja*)...

#### 3.2.4 Thực vật hạt kín

gồm 112 họ với 619 loài. Trong đó có 90 họ cây Song tử diệp với 507 loài và 22 họ cây Đơn tử diệp với 112 loài. Trong các địa điểm nghiên cứu, núi Bình An có thành phần loài cao nhất. Còn lại là vùng núi đá vôi và rừng sát có các thực vật đặc trưng.

- **Các loài thân gỗ lớn:** nhiều đại diện như Cóc rừng (*Spondias pinata*), Gòn ta (*Ceiba pentandra*), Gòn rừng (*Bombax ceiba*), Bứa (*Garcinia*), Lôi (*Crypteronia*), Sô (*Dillenia* spp), Bời lời (*Litsea vang*), Duối (*Streblus* sp), Trâm (*Syzygium* spp), Muồng trướng (*Zanthoxylum avicennae*), Cầm (*Parinari*), Gù da (*Guioa pleuropteris*), Huỳnh (*Heritiera*), Trôm (*Sterculia*), ... các loài cho gỗ tốt thuộc họ Đậu như Trắc (*Dalbergia* spp), Lim (*Peltophorum*)..., đặc biệt nhất là cây Trâm hương (*Aquilaria crassna*) được trồng để cấy nấm gây trâm (Hình 1).



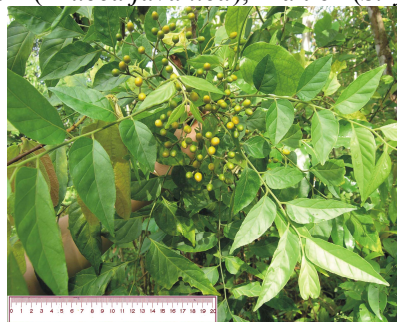
Muồng trướng (Luồng tuồng)  
(*Zanthoxylum avicennae* (Lamk.) D.C. - Rutaceae)



Gù da (*Guioa pleuropteris* (Bl.) Radlk. - Sapindaceae)

**Hình 1: Đại diện các loài cây thân gỗ lớn**

- **Các loài thân gỗ nhỏ:** thành phần loài của đối tượng này đa dạng hơn. Ngoài cây trồng là Đào lộn hột (*Anacardium occidentale*), còn lại là cây hoang dại như Trung quân (*Ancistrocladus cochinchinensis*), Lốp bóp (*Connarus*), các loài Thị (*Diospyros* spp), Kén (*Suregada* spp), Mọc vè (*Mallotus* sp), Muôi (*Melastoma* spp), Ổi (*Psidium* sp), Mai (*Ochna* sp), Táo (*Zizyphus* sp), Trang (*Ixora* spp), Đọt sành (*Pavetta* sp), Cò ke (*Grewia* sp), Trần mai (*Trema* sp), nhiều loài Đa, Sung (*Ficus* spp). Một số loài cho gia vị như Giỏi (*Lausena excavata*), Quế (*Cinnamomum meirei*), một số có dược tính như Bá bình (*Eurycoma longifolia*), Khổ sâm (*Brucea javanica*), Mã tiền (*Strychnos axilaris*) (Hình 2).



Giỏi (*Clausena excavata* Burm. - Rutaceae)



Bá bình (*Eurycoma longifolia* Jack- Simaroubaceae)

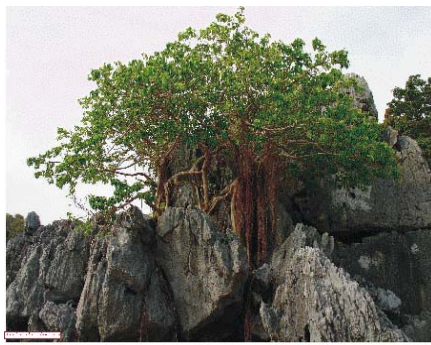
**Hình 2: Đại diện các loài cây thân gỗ nhỏ**

- **Các loài thân cỏ** gồm các loài dây leo thường gặp của họ Thiên lý (Asclepiadaceae) như Lỗ hùnh (*Gymnanthera*), Trâm hùnh (*Raphistemma*), Hà thủ ô (*Streptocaulon*), Đầu đài (*Tylophora*) ... Một số loài đậu leo đặc sắc như Cườm thảo đỏ (*Abrus*), Đậu cộc biển (*Canavalia*), Mắc mề (*Mucuna*). Loài dây leo được trồng nhiều trên núi là Tiêu (*Piper*).

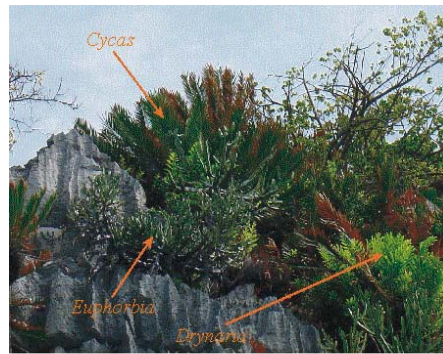
#### - Thực vật vùng núi đá vôi

Sinh cảnh của các vùng núi đá vôi như vùng chùa Hang, hòn Phụ tử, vùng Hang Tiên, núi Đá Dựng với các cây gỗ lớn hầu hết thuộc giống *Ficus*. Thực vật hạt trần đặc sắc ở các vùng núi đá vôi này là các loài Thiên tuế (*Cycas*) như *Cycas pectinata*, *C. revoluta*, *C. imbricata*... (Hình 3)

Ở các hốc đá hay nơi khuất nắng thường gặp các loài ráng như ráng Đuôi phụng (*Drynaria*), ráng Yêm dực (*Tectaria*)... nhiều loài của họ Araceae như Nưa (*Pseudodracuntium*), Bản hạ (*Typhonium*) và một loài hiếm gặp của giống *Chirita* (họ Gesneriaceae) với hoa mọc trên cuống lá.



Cây *Ficus* trên đá vôi



Sinh cảnh trên núi đá vôi

**Hình 3: Đại diện thực vật ở vùng núi đá vôi**

- Thực vật vùng rừng sát và vùng cát ven biển

Phổ biến là các loài Đước đôi (*Rhizophora apiculata*), Dà (Nét) (*Ceriops tagal*), Vẹt dù, Vẹt thang (*Bruguiera candela*), Cọc đỏ (*Lumnitzera littorea*), Cọc vàng (*Lumnitzera racemosa*), Côi (*Scyphiphora*), Ô rô (*Acanthus*), thỉnh thoảng gặp được loài Xu ôi (*Xylocarpus granata*) (Hình 4), Chà là biển (*Phoenix paludosa*), Mây nước (*Flagellaria*)...



Cọc đỏ (*Lumnitzera littorea* (Jack) Voigt. - Combretaceae)



Xu ôi (Xu to) (*Xylocarpus granata* Koen. - Meliaceae)

**Hình 4: Đại diện thực vật vùng rừng sát**

Vùng đất bùn ven biển có mặt các loài Bần (*Sonneratia* spp) và Mắm (*Avicennia* spp). Dưới đáy nước loài Chân diêm (*Enhalus acoloides*) làm thành thảm dày đặc. Trên các đê ven rừng sát thường gặp các loài Hải châu (*Sesuvium*), Cỏ chác, Mao thur (*Fimbristylis* spp)... Từ mực sóng biển trở lên đất liền là hội đoàn đặc sắc của rau Muống biển (*Ipomoea pes-caprae*) dưới gốc các loài Dừa (*Pandanus*), Hếp (*Scaevola*). Xa hơn là các loài Chành ràng (*Dodonea*), Dừa (*Cocos*), Mướp xác (*Cerbera*), Mù u (*Calophyllum inophyllum*), Trôm (*Sterculia* spp).

### 3.3 Động vật không xương sống

đáng chú ý của vùng Hòn Chông-Hà Tiên bao gồm ba ngành Ruột khoang (Xoang tràng), Thân mềm (Nhuyễn thể) và Chân khớp.

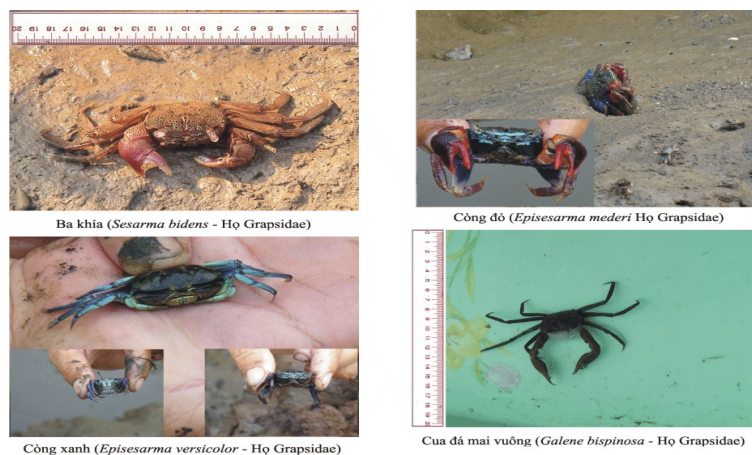


- Ngành Ruột khoang = Xoang tràng (Cnidaria=Coelenterata): thu được 9 loài thuộc ba lớp Hydrozoa, Scyphozoa và Anthozoa.
- Ngành Thân mềm (Mollusca) với 87 loài thuộc 46 họ, 12 bộ, 4 lớp.
- Ngành Chân khớp (Arthropoda) có 47 loài thuộc 15 họ của lớp Giáp xác (Crustacea).

Các loài động vật của các ngành có sự phân bố khác nhau ở các sinh cảnh khác nhau.

### 3.3.1 Vùng rừng sát

Phổ biến là các loài thuộc ngành Thân mềm như: Ốc *Cerithium coralium*, *Cerithium trailli*, *Cerithidea cingulata*, *Cerithidea obtusa*, *Terebralia sulcata* thuộc lớp Chân bụng (Gastropoda). Ngoài ra, còn có các đại diện thuộc lớp Hai mảnh vỏ (Bivalvia) như: *Anadara antiquata*, *Anadara granosa*, *Modiolus philippinarum*, *Cyrena sumatrensis*, *Perna viridis*, *Meretrix lyrata*.... Một số loài Giáp xác đặc trưng của Rừng sát như cua Vĩ cầm (*Uca stilyfera*), rải rác có thể gặp các loài như *Episesarma mederi*, *Episesarma versicolor*, *Episesarma chengtonense*, *Sesarma bidens*, *Myonemippe hardwickii*...



**Hình 5: Đại diện nhóm Giáp xác của rừng sát**

### 3.3.2 Vùng ven bờ

Ngành Ruột khoang có các đại diện như Hải quỳ (*Metridium* sp.), San hô sừng (*Gorgonia* sp.), Bút biển (*Pennatula* sp.). Đông đảo nhất là sinh vật ngành Thân mềm với các đại diện như ốc Nón (*Patelloida saccharinoides*), ốc Mai rùa (*Cellana radiata*), ốc nhiều mảnh vỏ (*Acanthopleura* sp.), Hàu (*Saccostrea cuculata*)... Vùng triều với loài ốc *Turbo bruneus*, *Morula musiva*, *Thais clavigere*, *Architectonia perspective*, *Umbonium vestiarum*... cùng với những loài thuộc lớp Hai mảnh vỏ như *Arca navicularis*, *Paphia textile*, *Cardium costatum*, *Spondylus* sp., *Meretrix lyrata*....



**Hình 6: Đại diện nhóm Thân mềm vùng ven bờ**

### 3.3.3 Vùng bãi bồi

Trong lớp bùn thỉnh thoảng ta gặp loài *Urechis caupo* thuộc ngành Echiidea. Phổ biến ở vùng này là các loài Hai mảnh vỏ gồm chủ yếu là sò Lông (*Anadara antiquata*), vẹm Xanh (*Perna viridis*) và Bào mai quạt (*Pinna bicolor*).

### 3.3.4 Vùng ven các hòn (Hòn Rễ lớn, Hòn Rễ nhỏ, Hòn Nghệ)

Trên mực thủy triều có nhóm ốc phôi thuộc họ Ellobiidae như *Ellobium aurismidae*, *Cassidula aurisfelis*, *Cassidula mustelina*, *Hemiplecta* sp. ...

Ở mực triều, những loài tiêu biểu như: *Nerita albicilla*, *Nerita chamaelon*, *Nerita undata*, *Clithon faba*, *Planaxis sulcatus*, *Cerithium coralium*, *Clypeomorus*...

Ở vùng dưới triều gặp các loài như *Strombus canarium*, *Strombus urceus*, *Lambis lambis*, *Cypraea arabica*, *Cypraea errones*, *Cypraea aurantium*, *Natica tigrina*, *Natica lineata*, *Polinices didyma* và nhiều loài khác thuộc các họ Ranellidae như *Gyrineum natator*, họ Bursidae như *Bufonaria rana*, họ Cassidae như *Phalium glaucum*, họ Muricidae rất đặc sắc với nhiều loài thuộc các giống như *Chicoreus*, *Morulla*, *Drupella*, *Murex*, *Thais*...

## 4 KẾT LUẬN

Thành phần rong biển vì không có sự khác biệt nhưng đối với rong có kích thước lớn sự phân bố khác biệt rất rõ. Môi trường không có cư dân sinh sống và ít du khách, thành phần loài phong phú hơn.

Thực vật bậc cao của vùng Hòn Chông - Hà Tiên khá đa dạng: nhiều loài đặc trưng, nhưng không được phong phú. Núi Bình An là nơi có thành phần loài cao nhất. Vùng núi đá vôi và rừng sát có các thực vật đặc trưng riêng.

Các động vật của 3 ngành Ruột khoang, Thân mềm và Chân khớp tuy thành phần loài và số lượng cá thể không nhiều nhưng đã cho thấy được tính đặc trưng của chúng với từng vùng sinh thái khác nhau.

Các kết quả trên cho thấy sự đa dạng, phong phú và giàu tiềm năng tài nguyên sinh vật tại Hòn Chông - Hà Tiên có ý nghĩa cho công tác bảo tồn đa dạng sinh học trong tương lai tại đây.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Phạm Hoàng Hộ, 2000. Cây cỏ Việt Nam. NXB Trẻ.
- Lê Công Kiệt, 1969. La Végétation des collines calcaires de la région de Kiên Lương - Hà Tiên. Thèse de doctorat de 3ème cycle, Université de Saigon.
- Phùng Thị Bích Lam, 2006. Các yếu tố môi trường ảnh hưởng đến sự phân bố các loài thực vật thân gỗ rừng ngập mặn huyện Hòn Đất - tỉnh Kiên Giang. Luận văn Thạc sĩ chuyên ngành Khoa học môi trường, Đại học Cần Thơ.
- Phùng Trung Ngân, Lê Công Kiệt and Phạm Hoàng Hộ, 1969. Note on limestone vegetation at Kiên Lương (Hà Tiên). Niên san viện Đại Học Cần Thơ, số 2, 1969.